

TRUNG TÂM THÔNG TIN GIÁM SÁT TÀI CHÍNH QUỐC GIA

THÔNG TIN DỮ LIỆU KINH TẾ - TÀI CHÍNH Tuần 43 (21/10-25/10/2024)

CÁC THÔNG TIN CHÍNH TRONG TUẦN

Kinh tế - tài chính thế giới

- Mỹ: Số đơn yêu cầu trợ cấp thất nghiệp đã giảm 15 nghìn đơn; Lượng đơn đặt hàng hóa sản xuất bền đã giảm 0,8%.
- EURO: Kỳ vọng lạm phát trong 12 tháng tới đã giảm xuống còn 2,4%; Chỉ số PMI tổng hợp trong tháng 10/2024 tăng lên 49,7 điểm. Niềm tin người tiêu dùng tăng 0,4 điểm lên -12,5 trong tháng 10/2024.
- Giá hàng hóa: Giá vàng thế giới tiếp tục tăng mạnh; Giá dầu trên thị trường quốc tế tăng.
- PBoC: Cắt giảm lãi suất cho vay chủ chốt xuống mức thấp nhất tại cuộc họp tháng 10/2024.
- WTO: Thương mại hàng hóa toàn cầu dự kiến tăng 2,7% trong năm 2024.

Kinh tế - tài chính Việt Nam

- Chính phủ: Đầu tư phát triển năm 2024 đạt kết quả tích cực.
- Chính phủ: Chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế phát triển kinh tế số, kinh tế xanh.
- Chính phủ: Thu ngân sách năm 2024 ước vượt 10,1% dự toán.
- VPCP: Tập trung thực hiện 6 nhiệm vụ trọng tâm xây dựng các công trình trọng điểm quốc gia.
- Chính phủ: Đến 2050 ngành công nghiệp bán dẫn Việt Nam vượt 100 tỷ USD/năm.
- Chính phủ: Phấn đấu đưa kim ngạch thương mại Việt Nam - Malaysia đạt 18 tỷ USD theo hướng cân bằng.
- Tỷ giá trung tâm được NHNN điều chỉnh tăng mạnh ở 3 phiên đầu tuần rồi giảm trở lại ở các phiên cuối tuần.
- Lũy kế từ đầu năm 2024, TPCP và TPCP BL đã huy động được 298.776 tỷ đồng qua hình thức đấu thầu. Lũy kế từ đầu năm khối ngoại đã bán ròng trên 3 sàn hơn 71.601 tỷ VND. Lãi suất trúng thầu tăng nhẹ so với đầu năm 2024 ở kỳ hạn 10 năm (+0,51 điểm) và 15 năm (không thay đổi).

A. DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH - TIỀN TỆ

I. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ

Bảng 1. Thị trường liên ngân hàng

Kỳ hạn	LS bình quân (%/năm)	%+/-1W	%+/-M	%+/-Y
Qua đêm	3,68	-0,04	7,66	-2,52
1 Tuần	3,88	-3,16	11,27	-11,36
2 Tuần	4,08	-3,53	12,16	-12,48
1 Tháng	4,28	0,89	11,27	-8,65
3 Tháng	4,42	-1,71	10,77	-11,62
6 Tháng	5,09	3,63	9,25	-7,29
9 Tháng	5,54	-18,4	31,79	-44,74

Ghi chú: Ngày áp dụng 24/10/2024

Bảng 2. Thị trường mở

Ngày giao dịch	Kỳ hạn (ngày)	Khối lượng gọi thầu (tỷ đồng)	Số thành viên tham gia/trúng thầu	Khối lượng trúng thầu (Tỷ đồng)	Lãi suất trúng thầu (%/năm)
21/10/2024	14		6/5	3.900	3,74
	28		12/12	17.750	4
22/10/2024	7		2/2	3.000	4
	14		5/4	3.600	3,7
	28		9/9	8.850	4
	28				
23/10/2024	7		1/1	2.014,65	4
	14		4/4	3.300	3,7
	28		7/7	9.500	4
	28				
24/10/2024	7		2/2	3.000	4
	14		2/2	600	3,6
	28		6/6	2.650	4
	28				
25/10/2024	7		10/10	4.999,92	4
	14		4/4	2.000	3,7
	28		2/2	2.500	3,99
	28				

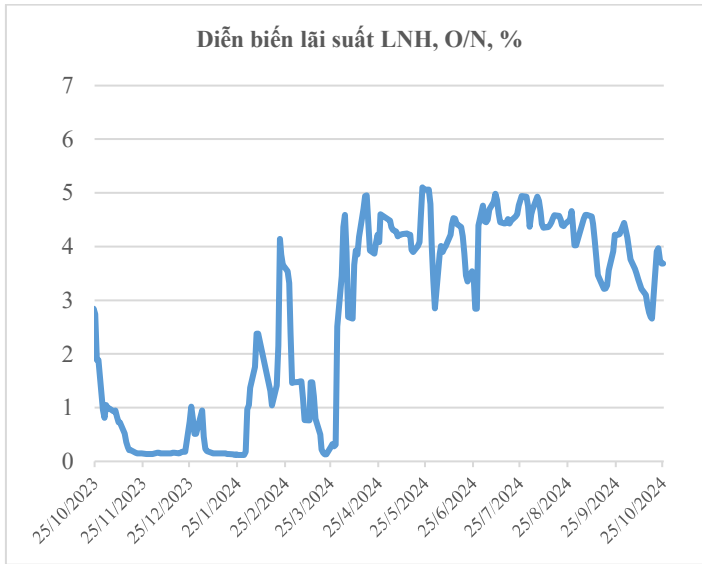
Bảng 3: Trái phiếu chính phủ

Phát hành TPCP		Lũy kế năm 2024		Tuần 43 (21/10-25/10/2024)			
Tỷ lệ đăng ký (lần)		1,34		1,28			
Tỷ lệ trúng thầu (%)		62%		72%			
Chi tiết gọi thầu		Giá trị (tỷ VND)		Giá trị (tỷ VND)			
1	3 Năm						
2	5 Năm	63.750		1.500			
3	7 Năm	6.000		-			
4	10 Năm	243.250		6.000			
5	15 Năm	130.500		2.000			
6	20 Năm	13.500		-			
7	30 Năm	20.400		1.000			
	Tổng	477.400		10.500			
Chi tiết đặt thầu		Giá trị (tỷ VND)	Lãi suất BQ (%)	Giá trị (tỷ VND)	Lãi suất (%)		
1	3 Năm						
2	5 Năm	88.761	1,3	4.200	1,87		
3	7 Năm	3.245	2	-	-		
4	10 Năm	371.482	2,08	7.570	2,63		
5	15 Năm	144.751	2,28	1.200	2,89		
6	20 Năm	11.456	2,6	-	-		
7	30 Năm	18.878	2,8	445	3,1		
	Tổng	638.573		13.415			
Chi tiết trúng thầu		Giá trị (tỷ VND)	Lãi suất BQ (%)	Giá trị (tỷ VND)	Lãi suất (%)	So với tuần	So với đầu năm 2024
1	3 Năm						
2	5 Năm	40.850	1,37	1.500	1,89	-	+0,39
3	7 Năm	795	2,02	-	-	-	-
4	10 Năm	177.910	2,15	5.620	2,66	-	+0,51
5	15 Năm	65.859	2,35	-	-	-	-
6	20 Năm	6.030	2,65	-	-	-	-
7	30 Năm	7.332	2,85	445	3,1	-	+0,25
	Tổng	298.776		7.565			

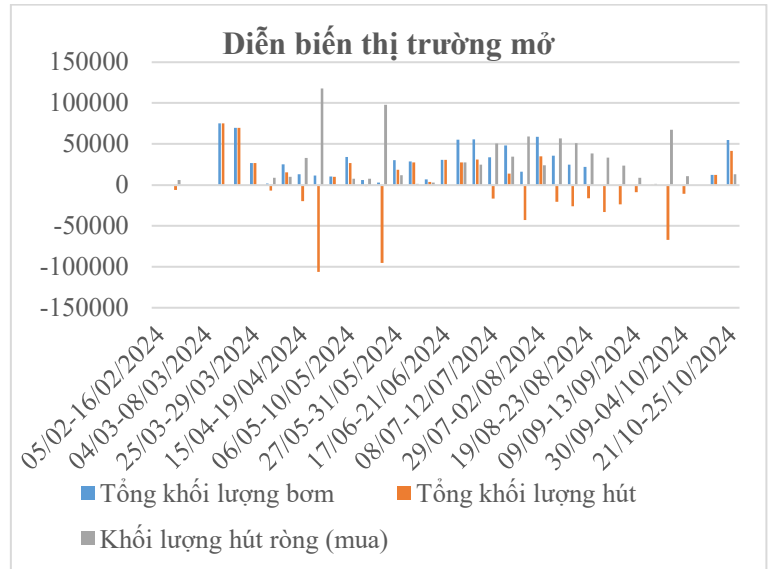
Nguồn: HNX, LS (min)

II. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ (Đồ thị)

2.1. Thị trường tiền tệ

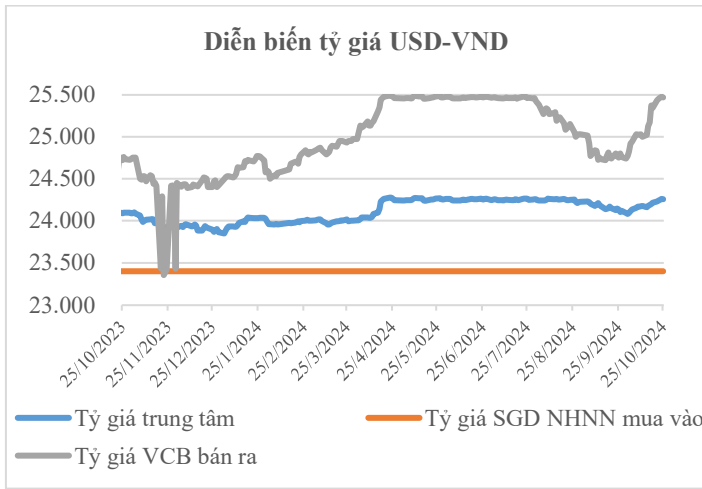


Nguồn: NHNN

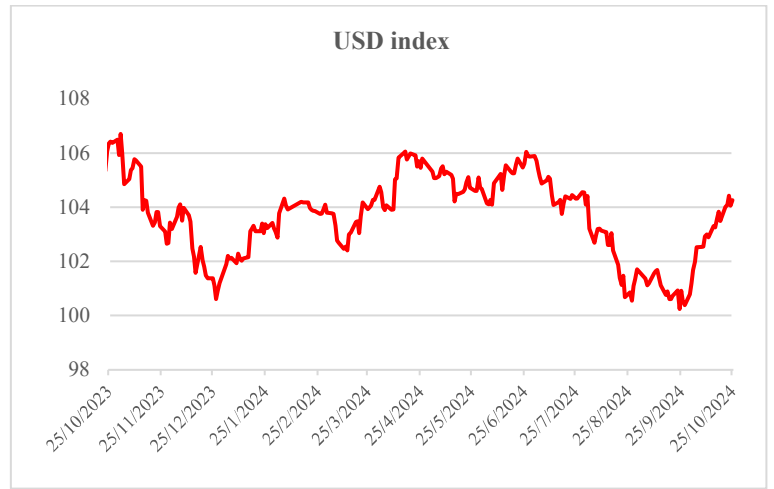


Nguồn: NHNN

2.2. Thị trường ngoại hối

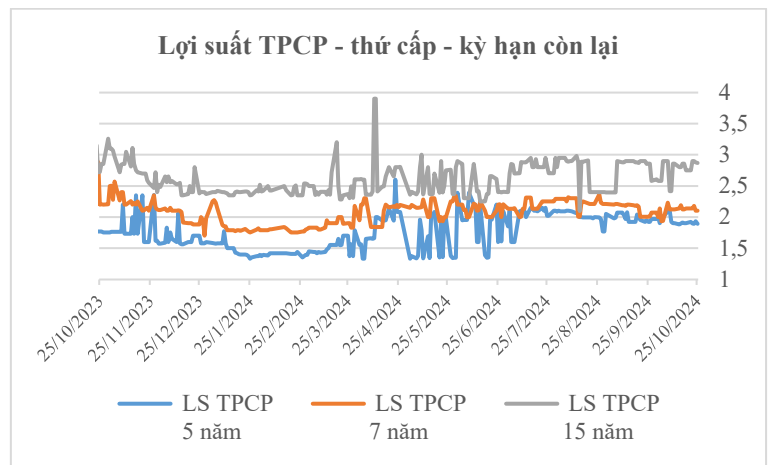
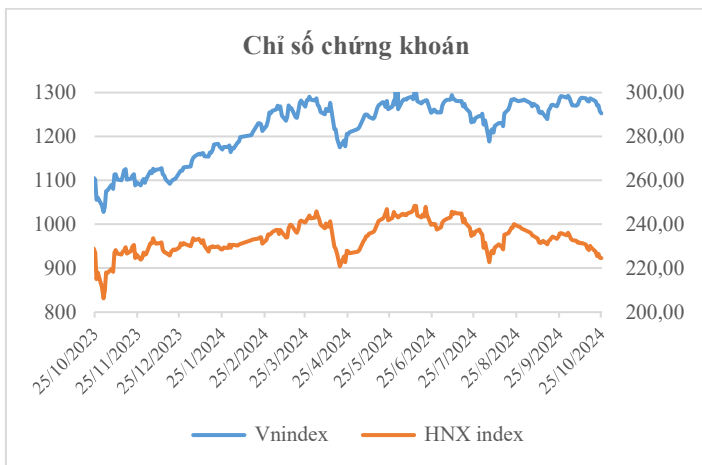


Nguồn: NHNN



Nguồn: Trading economics

2.3. Thị trường vốn



Nguồn: HNX, HSX, TTTT tổng hợp

III. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH QUỐC TẾ TUẦN 43 (21/10-25/10/2024)

3.1. Lãi suất điều hành của một số NHTW

NHTW	Quốc gia	Lãi suất hiện áp dụng	Lãi suất trước đó	Thời gian điều chỉnh	Phiên họp chính sách sắp tới
FED	Mỹ	5.00%	5.50%	19/09/2024	07/11/2024
ECB	EURO Zone	3.25%	3.50%	17/10/2024	NA
BOJ	Nhật Bản	0.25%	0.00 %	31/07/2024	31/10/2024
PBoC	Tr/Quốc	3.10%	3.35 %	22/07/2024	NA
RBA	Úc	4.35%	4.10%	07/11/2023	05/11/2024
BoE	Anh	5.00%	5.25%	01/08/2024	07/11/2024
BOK	Hàn Quốc	3.25 %	3.50 %	11/10/2024	28/11/2024
BI	Indonesia	6.00%	6.25%	18/09/2024	20/11/2024
BNM	Malaysia	3.00%	2.75%	03/05/2023	06/11/2024
BOT	Thái Lan	2.25%	2.50%	16/10/2024	18/12/2024
CBR	Nga	19.00%	18.00%	13/09/2024	20/12/2024

3.2. Tỷ giá USD

Cặp tiền tệ chủ chốt	Tỷ giá	+/_ % theo W	+/_ % theo M	+/_ % YoY
EURUSD	1.07956	-0.66%	-3.41%	2.23%
GBPUSD	1.29605	-0.66%	-3.36%	6.88%
AUDUSD	0.66038	-1.53%	-4.19%	4.47%
USDJPY	152.245	1.83%	4.94%	1.24%
USDCNY	7.13379	0.24%	2.22%	-2.59%
USDCAD	1.38917	0.67%	3.08%	0.44%
USDRUB	97.2505	2.10%	5.00%	3.85%
USDKRW	1387.95	1.35%	5.74%	2.61%
DXY	104.321	0.83%	3.70%	-2.14%
USDTHB	33.6500	0.79%	3.86%	-7.27%
USDSGD	1.31945	0.73%	2.77%	-3.65%

3.3. Lợi tức Trái phiếu CP một số nước

Trái phiếu CP kỳ hạn 10 năm	Lợi suất	+/_ % W	+/_ % M	+/_ % YoY
United States	4.2460	0.16%	0.45%	-0.60%
United Kingdom	4.2393	0.19%	0.22%	-0.36%
Japan	0.9518	-0.02%	0.12%	0.07%
Australia	4.4240	0.10%	0.47%	-0.40%
Germany	2.2910	0.11%	0.12%	-0.56%
China	2.1450	0.07%	0.06%	-0.58%
Singapore	2.8340	0.01%	0.22%	-0.59%
South Korea	3.0500	-0.02%	0.05%	-1.34%
Taiwan	1.5000	0.00%	-0.01%	0.18%
Thailand	2.4050	-0.01%	-0.08%	-0.93%
Vietnam	2.7960	0.04%	0.04%	-0.31%
Hong Kong	3.1560	0.05%	0.37%	-1.27%
Indonesia	6.7550	0.10%	0.29%	-0.45%
Malaysia	3.9120	0.08%	0.14%	-0.29%
Philippines	5.8440	0.08%	0.09%	-1.02%

3.4. Chỉ số chứng khoán một số nước

Chỉ số chủ chốt	+/_% 1 W	+/_% 1 M	+/_% YTD	+/_% 1Y	+/_% 3 Y
Dow Jones	-2.68%	-0.47%	+11.74 %	+29.91%	+17.87%
S&P 500	-0.96%	+1.22%	+21.77 %	+41.06%	+26.36%
Nasdaq	+0.16%	+2.20%	+23.36 %	+46.47%	+19.88%
DAX	-0.99%	-0.05%	+16.19 %	+32.52%	+24.00%
FTSE 100	-1.31%	-0.86%	+6.67%	+13.13%	+13.79%
CAC 40	-1.52%	-3.78%	-0.61%	+10.33%	+10.19%
Euro Stoxx 50	-0.87%	-2.46%	+9.31%	+23.12%	+16.74%
Nikkei 225	-2.80%	-4.87%	+13.22 %	+22.26%	+31.47%
Shanghai	+1.17%	+6.87%	+10.92 %	+9.34%	-6.22%
Hang Seng	-1.03%	-0.20%	+20.78 %	+18.34%	-19.43%
SET	-1.77%	+0.92%	+3.36%	+5.42%	-9.91%
KOSPI	-0.41%	-2.51%	-2.71%	+12.18%	-14.16%
IDX Com	-0.84%	-0.03%	+5.80%	+13.85%	+17.94%
PSEi	-1.37%	-1.54%	+13.40 %	+22.68%	+2.19%

3.5. Thị trường hàng hóa

1. Năng lượng	Giá	+/_ % W	+/_ % M	+/_ % Y
Crude Oil USD/Bbl	71.780	4.50%	6.07%	-13.04%
Natural gas USD/MMBtu	2.5600	13.37%	-7.01%	-30.94%
Gasoline USD/Gal	2.0820	4.00%	7.55%	-6.71%
2. Kim loại quý				
Gold USD/t.oz	2747.60	0.97%	2.81%	38.43%
Silver USD/t.oz	33.700	-0.02%	5.39%	47.61%
Lithium CNY/T	71500	-2.72%	-1.38%	-56.54%
Platinum SD/t.oz	1023.70	0.95%	1.36%	13.71%

3. Khoáng sản	Giá	+/_ % W	+/_ % M	+/_ % Y
Copper USD/Lbs	4.3365	-0.22%	-5.37%	20.98%
Steel CNY/T	3243.00	-0.22%	2.27%	-11.39%
Iron Ore USD/T	104.23	-1.08%	12.63%	-12.01%
Aluminum USD/T	2675.00	2.26%	2.43%	21.73%
Tin USD/T	30906	-3.87%	-5.45%	23.18%
Zinc USD/T	3107.00	0.52%	0.26%	27.60%
Nikel USD/T	16143	-4.94%	-3.60%	-9.56%
Coal USD/T	145.90	0.00%	4.51%	7.52%

Nguồn: Tổng hợp từ Tradingeconomics, Investing

B. THÔNG TIN KINH TẾ - TÀI CHÍNH

B1. KINH TẾ - TÀI CHÍNH THẾ GIỚI

I. KINH TẾ - THƯƠNG MẠI - ĐẦU TƯ

Tăng trưởng kinh tế toàn cầu

IMF: Tăng trưởng toàn cầu dự kiến vẫn ổn định ở mức 3,2%

Trong báo cáo triển vọng nền kinh tế thế giới tháng 10, IMF dự báo nền kinh tế sẽ tăng trưởng 3,2% trong năm 2024 và 2025, gần như không thay đổi ở báo cáo tháng 7.

Đánh giá một số rủi ro về kinh tế thế giới:

- Sự biến động đột ngột của thị trường tài chính như đã trải qua ở đầu tháng 8.
- Sự gián đoạn của việc giảm phát trong giai đoạn này.

Dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu

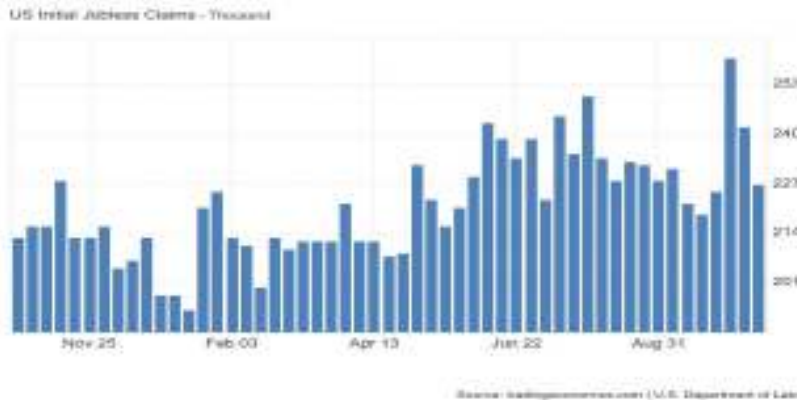
	2023	Projections		Difference from July 2024 WEO Update ¹		Difference from April 2024 WEO ²	
		2024	2025	2024	2025	2024	2025
World Output	3.3	3.2	3.2	0.0	-0.1	0.0	0.0
Advanced Economies	1.7	1.8	1.8	0.1	0.0	0.1	0.0
United States	2.9	2.8	2.3	0.1	-0.3	0.1	-0.3
Euro Area	0.6	0.8	1.2	-0.1	-0.3	-0.1	-0.3
Germany	0.3	0.9	0.8	-0.2	-0.5	-0.2	-0.5
France	1.1	1.5	1.7	0.2	-0.2	0.4	-0.3
Italy	0.7	0.7	0.8	0.0	-0.1	0.0	-0.1
Spain	2.1	2.9	2.1	0.5	0.0	0.0	0.0
Japan	1.7	1.5	1.7	-0.4	0.0	-0.6	0.1
United Kingdom	0.5	1.1	1.3	0.4	0.0	0.0	0.0
Canada	1.2	1.3	2.4	0.0	0.0	0.1	0.7
Other Advanced Economies ³	1.8	2.1	2.2	0.1	0.0	0.1	-0.2
Emerging Market and Developing Economies	4.8	4.2	4.2	0.0	-0.1	0.1	0.0
Emerging and Developing Asia	5.7	5.3	5.0	-0.1	-0.1	0.1	0.1
China	5.2	4.8	4.1	-0.2	-0.3	0.2	0.4
India ⁴	8.2	7.2	6.3	0.0	-0.0	-0.2	0.6
Emerging and Developing Europe	3.3	3.2	2.2	0.0	-0.2	0.1	-0.6
Russia	3.5	3.6	1.3	0.4	-0.2	0.4	-0.5
Latin America and the Caribbean	2.2	2.1	2.0	0.0	-0.2	0.2	0.0
Brazil	2.9	2.8	2.2	0.0	-0.2	0.0	0.1
Mexico	3.2	3.1	3.3	-0.1	-0.2	-0.1	-0.1
Middle East and Central Asia	2.1	2.4	2.0	0.0	0.0	-0.4	-0.3
South Asia	-0.8	1.5	4.8	-0.2	-0.1	-0.1	1.4
Sub-Saharan Africa	3.6	3.6	4.2	-0.1	-0.1	-0.2	0.1
Nigeria	2.9	3.9	3.2	0.2	0.2	-0.4	0.2
South Africa	0.1	1.5	1.5	0.2	0.3	0.2	0.3
Other Economies	2.6	2.7	2.8	0.0	0.0	0.0	0.1
European Union	0.6	1.1	1.6	-0.1	-0.2	0.0	-0.2
G20+1 ⁵	4.0	4.3	4.3	0.1	0.1	0.1	0.5
Middle East and North Africa	1.9	2.1	4.8	-0.1	0.1	-0.4	-0.2
Emerging Market and Middle Income Economies	4.0	4.2	4.2	-0.1	0.0	0.1	0.1
Low Income Developing Countries	4.1	4.0	4.7	-0.2	-0.0	-0.1	-0.4
World Trade Volume (goods and services)	0.8	3.1	3.4	0.0	0.0	0.1	0.1
Imports	-0.7	3.5	3.8	-0.3	-0.3	0.1	-0.4
Advanced Economies	3.0	4.5	4.9	0.4	0.1	-0.2	0.2
Emerging Market and Developing Economies	0.0	2.5	2.7	-0.5	-0.2	0.0	-0.2
Exports	0.6	4.6	4.6	0.0	0.5	0.9	0.7
Advanced Economies	0.0	4.5	4.6	0.0	0.5	0.9	0.7
Commodity Prices (US dollars)							
Oil	-16.8	0.8	-10.4	0.1	-4.4	3.4	-4.1
Brent (average based on world commodity import weights)	-5.7	2.9	-0.2	2.1	-1.8	2.0	0.2
World Consumer Prices⁶	-0.7	5.8	4.2	-0.1	-0.1	-0.1	-0.2
Advanced Economies ⁷	4.5	3.6	2.8	-0.1	-0.3	0.0	-0.1
Emerging Market and Developing Economies ⁸	8.1	7.9	5.9	-0.1	0.0	-0.5	-0.2

Nguồn: IMF

Mỹ: Số đơn yêu cầu trợ cấp thất nghiệp đã giảm 15 nghìn đơn so với tuần trước còn 227 nghìn, mức thấp nhất kể từ đầu tháng và thấp hơn nhiều so với dự báo của thị trường là sẽ vẫn ở mức 242 nghìn.

Lượng đơn đặt hàng hóa sản xuất bền đã giảm 0,8% xuống còn 285 tỷ USD trong tháng 9, sau khi giảm 0,8% ở tháng trước và thấp hơn dự báo của thị trường là giảm 1%.

Số đơn yêu cầu trợ cấp thất nghiệp giảm



Giá hàng hóa thế giới tuần qua

Giá vàng thế giới tiếp tục tăng mạnh

Kết thúc phiên giao dịch cuối tuần, hợp đồng vàng giao ngay tăng lên 2740 USD/oz. Phục hồi sau đợt chốt lời trước đó do căng thẳng địa chính trị ở Trung Đông và những bất ổn xung quanh cuộc bầu cử sắp tới của Hoa Kỳ

Giá dầu thị trường quốc tế

Kết thúc phiên giao dịch cuối tuần, hợp đồng dầu Brent tăng 2,2% xuống 76 USD/thùng, phục hồi sau hai ngày giảm và đảm bảo mức tăng hàng tuần là 4%. Hợp đồng dầu WTI tăng 2,3% xuống còn 71,8 USD/thùng.

Nguồn: OPEC/Kitco

II. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH

NHTW các nước

PBoC: Cắt giảm lãi suất cho vay chủ chốt xuống mức thấp nhất tại cuộc họp tháng 10

Lãi suất cho vay cơ bản một năm (LPR), đã giảm 25 điểm cơ bản xuống còn 3,1% và lãi

Quyết định diễn ra sau chỉ đạo của Thống đốc Pan Gongsheng vào tuần trước rằng LPR sẽ được hạ xuống 20 đến 25 điểm cơ bản. Ông cũng gợi ý rằng tỷ lệ dự trữ bắt buộc (RRR) đối với các ngân hàng thương mại có thể được giảm thêm trong quý 4. Gần đây, PBoC và Bộ Nhà ở đã đưa ra một loạt chính sách để giảm bớt gánh nặng tài chính

suất năm năm, tham chiếu cho thể chấp bất động sản, đã giảm cùng biên độ xuống còn 3,6%.

cho chủ sở hữu bất động sản và lấy lại niềm tin của công chúng.

Vào tháng 9, PBoC đã bắt đầu các biện pháp kích thích mạnh mẽ nhất kể từ khi xảy ra đại dịch, bao gồm các biện pháp hỗ trợ lĩnh vực bất động sản đang gặp khó khăn và thúc đẩy tiêu dùng.

Nguồn: Tradingeconomics

Tổ chức Thương mại Thế giới: Thương mại hàng hóa toàn cầu dự kiến tăng 2,7% trong năm 2024

Tăng trưởng khối lượng thương mại hàng hóa thế giới

Thương mại hàng hóa toàn cầu dự kiến sẽ tăng 2,7% trong năm 2024 theo dự báo mới được các nhà kinh tế của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) cập nhật vào ngày 10 tháng 10 năm 2024.



(*) Số liệu năm 2024 và năm 2025 là số liệu ước tính.

Mức dự báo này tăng 0,1 điểm phần trăm so với mức dự báo được các nhà kinh tế đưa vào vào tháng 04/2024 là tăng 2,6%. Trong khi đó, dự báo tăng trưởng lượng thương mại toàn cầu năm 2025 được dự báo giảm xuống còn 3% so với mức tăng 3,3% được dự báo trước đó vào tháng 04/2024.

Châu Á sẽ là khu vực có mức tăng trưởng xuất khẩu cao nhất trong năm nay, lượng xuất khẩu dự báo tăng 7,4% trong năm 2024. Trong nửa đầu năm 2024, xuất khẩu của các nền kinh tế chính trong khu vực như Trung Quốc, Singapore và Hàn Quốc đã có sự phục hồi mạnh mẽ. Ngược lại, nhập khẩu của châu Á cho thấy xu hướng khác biệt với sự tăng trưởng chậm của nền kinh tế Trung Quốc, trong khi các nền kinh tế khác như Singapore, Malaysia, Ấn Độ và Việt Nam đang tăng mạnh.

Nguồn: TTTT tổng hợp

Tổ chức Thương mại Thế giới đã công bố bản cập nhật tháng 10 năm 2024 cuốn "Triển vọng và Thống kê thương mại toàn cầu". Theo đó, thương mại hàng hóa toàn cầu đã chuyển hướng tăng trong nửa đầu năm 2024 với mức tăng 2,3% so với cùng kỳ năm trước, dự kiến sẽ tiếp tục tăng trong nửa cuối năm 2024 và dự báo tăng khoảng 3% trong năm 2025. Trước đó, trong năm 2023, thương mại toàn cầu đã giảm 1,1% do lạm phát cao và lãi suất tăng. Tăng trưởng GDP toàn cầu thực tế theo tỷ giá hối đoái thị trường dự kiến sẽ duy trì ở mức 2,7% trong năm 2024 và năm 2025.

B2. KINH TẾ - TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC

I. KINH TẾ VĨ MÔ

Đầu tư phát triển năm 2024 đạt kết quả tích cực

Chính phủ đã trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét điều chỉnh 8,4 nghìn tỷ đồng từ các bộ, ngành, địa phương chưa phân bổ hoặc không giải ngân được sang các bộ, ngành, địa phương khác. Ước thanh toán đến 30/9/2024 đạt 47,29% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao. Thu hút ĐTNN là điểm sáng khi 9 tháng đạt 24,78 tỷ USD, tăng 11,6%, cao nhất nhiều năm qua, trong khi đầu tư toàn cầu sụt giảm; giải ngân 9 tháng đạt 17,3 tỷ USD, tăng 8,9% so với cùng kỳ năm 2023. Ước cả năm thu hút ĐTNN đạt 39 - 40 tỷ USD, vốn ĐTNN thực hiện ước đạt 23 tỷ USD.

Nguồn: Chínhphu.vn

Theo báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch phát triển KT-XH năm 2024, dự kiến kế hoạch phát triển KT-XH năm 2025 trình Quốc hội, đến ngày 30/9/2024, các Bộ, cơ quan và địa phương đã phân bổ chi tiết 664,9 nghìn tỷ đồng, đạt 98,1% kế hoạch.

Chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế phát triển kinh tế số, kinh tế xanh

Cơ cấu nền kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, tăng tỷ trọng khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ, giảm tỷ trọng khu vực nông nghiệp (khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ chiếm 79,9%; khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chỉ còn 11,64%).

Thu ngân sách năm 2024 ước vượt 10,1% dự toán

Theo báo cáo Báo cáo về tình hình thực hiện ngân sách nhà nước năm 2024, dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương năm 2025 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm 2025 - 2027:

- Năm 2024, dự toán thu ngân sách nhà nước (NSNN) là 1.700,99 nghìn tỷ đồng, thực hiện 9 tháng đạt 85,1% (dự toán), tăng 17,9% so cùng kỳ năm 2023. Đánh giá cả năm ước đạt 1.873,3 nghìn tỷ đồng, vượt 172,3 nghìn tỷ đồng, tăng 10,1% so dự toán; đạt tỷ lệ huy động vào NSNN khoảng 16,5% GDP dự toán, trong đó từ thuế, phí đạt 13,1% GDP.

- Về chi NSNN, dự toán chi là 2.119,4 nghìn tỷ đồng; thực hiện 9 tháng đạt 59,3%. Ước cả năm đạt 2.281,7 nghìn tỷ đồng, tăng 7,7% so dự toán, chủ yếu từ nguồn ước vượt dự toán thu.

Tập trung thực hiện 6 nhiệm vụ trọng tâm xây dựng các công trình trọng điểm quốc gia

Văn phòng Chính phủ vừa có Thông báo số 485/TB-VPCP ngày 23/10/2024 kết luận của Thường trực Chính phủ tại buổi làm việc với các doanh nghiệp xây dựng các công trình trọng điểm quốc gia.

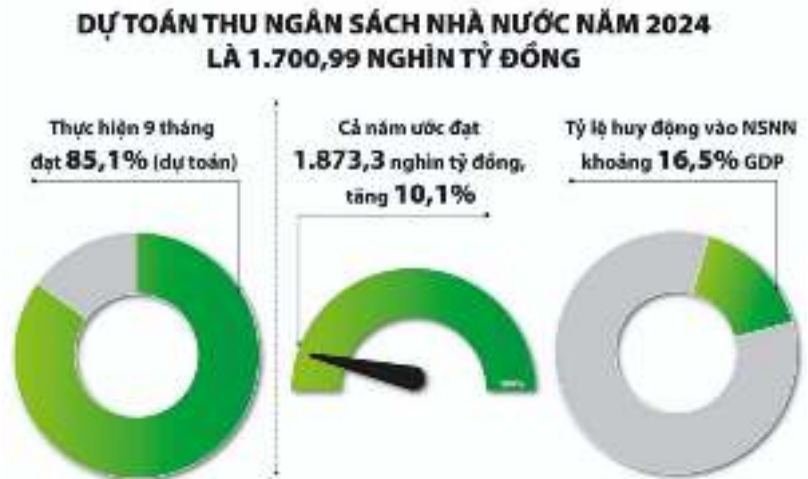
Thông báo kết luận nêu rõ, thời gian qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước việc triển khai các công trình, dự án trọng điểm, quan trọng quốc gia đã đạt được một số kết quả nổi bật như:

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương thường xuyên, quyết liệt,

Công nghiệp phục hồi tích cực, là động lực quan trọng, dẫn dắt tăng trưởng (tính chung 9 tháng, giá trị tăng thêm của khu vực CN và XD tăng 8,34%, trong đó CN CBCT là điểm sáng với mức tăng 9,76%). Dịch vụ duy trì đà phục hồi tốt (tính chung 9 tháng, khu vực dịch vụ tăng 6,95%); thương mại điện tử, du lịch phát triển mạnh (doanh thu thương mại điện tử năm 2024 ước đạt 27,7 - 28 tỷ USD, tăng 36%, thuộc nhóm nước có tốc độ tăng trưởng hàng đầu thế giới). Nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng khá; phát triển mô hình nông nghiệp sinh thái, hữu cơ và công nghệ cao.

Nguồn: Chinhphu.vn

- Dự toán bội chi NSNN năm 2024 là 399,4 nghìn tỷ đồng, bằng 3,6% GDP. Ước bội chi cả năm khoảng 389,4 nghìn tỷ đồng, bằng 3,4% GDP, giảm 10 nghìn tỷ đồng so dự toán, do giảm chi nguồn vốn vay của ngân sách địa phương.



Nguồn: Chinhphu.vn

6 nhiệm vụ trọng tâm:

- Nhận thức rõ hơn nữa về tầm quan trọng của các dự án trọng điểm, các dự án quan trọng quốc gia trong tạo không gian phát triển mới, giúp hình thành các khu công nghiệp, đô thị, dịch vụ mới.

- Đa dạng hóa nguồn lực của Nhà nước, người dân, doanh nghiệp, nhà đầu tư trực tiếp và gián tiếp, nguồn lực hợp tác công tư để phát triển hạ tầng chiến lược về giao thông, điện, nước, y tế, giáo dục, văn hóa...

- Tập trung ứng dụng hiệu quả các thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4, phát triển và chuyển giao công nghệ tiên tiến; đào tạo nhân lực chất lượng cao

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện thể chế liên quan giải phóng mặt bằng, vật liệu xây dựng, quy chuẩn, quy trình, đấu thầu, chỉ định thầu... tháo gỡ các điểm nghẽn về thể chế.

sát sao, kịp thời chỉ đạo phát triển ngành xây dựng, nhất là doanh nghiệp xây dựng trên cơ sở bám sát chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng.

Các doanh nghiệp đã tích cực chủ động triển khai các nhiệm vụ được giao với tinh thần "vượt nắng, thắng mưa, không thua bão, gió" Tích cực chủ động triển khai các nhiệm vụ được giao. Phối hợp với người dân và cơ quan chức năng chia sẻ để cùng nhau vượt qua những thách thức, tháo gỡ, giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong triển khai các dự án.

- Các doanh nghiệp xây dựng cần tiếp tục phát huy tinh thần tự lực, tự cường, đi lên từ sức mạnh nội sinh, cùng với sự hỗ trợ của Nhà nước về mặt thể chế hợp tác với các đối tác nước ngoài trong chuyển giao công nghệ.

- Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp luôn chia sẻ, lắng nghe, thấu hiểu với các khó khăn, thách thức, động viên, khích lệ về những thành quả đã làm được; kịp thời tháo gỡ các vướng mắc về thể chế, nguồn lực, nhân lực để thúc đẩy các doanh nghiệp phát triển nhanh, bền vững, góp phần phát triển đất nước.

Nguồn: TTTT tổng hợp

Phấn đấu đưa kim ngạch thương mại Việt Nam - Malaysia đạt 18 tỷ USD theo hướng cân bằng

Thủ tướng Phạm Minh Chính đã hội kiến Chủ tịch Hạ viện Malaysia Tan Sri Dato' Johari bin Abdul đang thăm chính thức Việt Nam từ 22-25/10.

Tại cuộc hội kiến, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính nhấn mạnh hợp tác trên các lĩnh vực phát triển toàn diện và sâu sắc hơn, đặc biệt là trên lĩnh vực thương mại-đầu tư với nhiều kết quả ấn tượng; Malaysia hiện là đối tác thương mại lớn thứ 2 của Việt Nam trong ASEAN và là nhà đầu tư ASEAN lớn thứ ba tại Việt Nam. Hợp tác quốc phòng - an ninh, trong đó có hợp tác biển đạt nhiều kết quả tích cực.

Thủ tướng Chính phủ đề nghị hai nước cùng cố tin cậy chính trị, phấn đấu đưa kim ngạch thương mại song phương đạt 18 tỷ USD theo hướng cân bằng; tạo thuận lợi xuất nhập khẩu các mặt hàng hai bên có tiềm năng và thế mạnh.

Thủ tướng Chính phủ cũng đề nghị Malaysia hỗ trợ Việt Nam tháo gỡ thẻ vàng của EU đối với ngành thủy sản Việt Nam; tiếp tục phối hợp hiệu quả trong việc hồi hương và đối xử nhân đạo với ngư dân Việt Nam bị tạm giữ.

Hai bên cũng nhất trí tăng cường hợp tác trong lĩnh vực quan trọng khác như quốc phòng, an ninh, giáo dục, văn hóa, thể thao, du lịch, giao lưu nhân dân.

Nguồn: Chinhphu.vn

II. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH-TIỀN TỆ

2.1. Thị trường tiền tệ

Tuần 43 (21/10-25/10/2024)

- Lãi suất VND liên ngân hàng tăng mạnh ở tất cả các kỳ hạn từ 1 tháng trở xuống.

- Tuần từ 14/10 - 18/10, ở kênh cầm cố, NHNN chào thầu kỳ hạn 7 ngày với khối lượng là 17.000 tỷ đồng, lãi suất giữ nguyên ở mức 4,0%. Có 13.014,57 tỷ đồng trúng thầu, không có khối lượng đáo hạn trong tuần qua.

- Thị trường tiền tệ liên ngân hàng trong tuần từ 21-25/10, lãi suất VND liên ngân hàng có xu hướng giảm ở tất cả các kỳ hạn qua tất cả các phiên. Chốt phiên ngày 24/10, lãi suất VND liên ngân hàng giao dịch quanh mức: qua đêm 3,68% (+0,99 điểm phần trăm); 1 tuần 3,88% (+0,94 điểm phần trăm); 2 tuần 4,08% (+0,94 điểm phần trăm); 1 tháng 4,28% (+0,94 điểm phần trăm) so với phiên 17/10.

- NHNN chào thầu tín phiếu NHNN 2 kỳ hạn 14 ngày và 28 ngày, đấu thầu lãi suất. Kỳ hạn 14 ngày 13.400 tỷ đồng trúng thầu, lãi suất biến động từ 3,74% xuống 3,6%, phiên cuối tuần ở mức 3,7%; kỳ hạn 28 ngày có 41.250 tỷ đồng trúng thầu, lãi suất 4 phiên đầu tuần ở mức 4,0%, phiên cuối tuần giảm xuống mức 3,99%.

Nguồn: NHNN, TTTT tổng hợp

2.2. Thị trường ngoại hối

Tuần 43 (21/10-25/10/2024)

- Trên thị trường liên ngân hàng, tỷ giá VND/USD tăng.

- Chỉ số USD Index tăng-giảm ở các phiên trong tuần, mức điểm cao nhất trong tuần đạt 104.43 điểm. Chốt lại phiên ngày 25/10 ở mức 104.26 điểm tăng 0.77 điểm so với phiên cuối tuần trước và cao hơn 3.35 điểm so với phiên cùng ngày tháng 09.

2.3. Thị trường trái phiếu

Thị trường sơ cấp TPCP & TP CBLCP:

Tuần 43 (21/10-25/10/2024)

Giá trị đấu thầu ngày cuối tuần thành công là **7.565/ 10.500** tỷ đồng, giá trị trúng tương ứng với tỷ lệ bằng 72%.

Trong đó kỳ hạn trúng thầu phát sinh với lãi suất tương ứng so với **tuần** trước: 5 năm-lãi suất 1,89 % (không tăng giảm điểm %); 10 năm-lãi suất 2,66 % (không tăng giảm điểm %); 30 năm-lãi suất 3,1 % (không tăng giảm điểm %);

Trong đó kỳ hạn trúng thầu phát sinh với lãi suất tương ứng so với cùng kỳ **tháng** trước: 5 năm-lãi suất 1,89 % (giảm 0,06 điểm %); 10 năm-lãi suất 2,66 % (không tăng giảm điểm %); 30 năm-lãi suất 3,1 % (không tăng giảm điểm %);

Lũy kế từ đầu năm 2024, TPCP và TPCP BL đã huy động được **298.776** tỷ đồng qua hình thức đấu thầu.

Thị trường TPDN:

Trong tuần qua, tổng giá trị phát hành thành công tạm tính đạt 576 tỷ VND (nhóm ngân hàng chiếm 0%). Lũy kế từ đầu năm đến 25/10/2024 là 315.875 tỷ VND (có 321 đợt thông báo phát hành).

- Thị trường ngoại tệ trong tuần từ 21-25/10, tỷ giá trung tâm được NHNN điều chỉnh tăng mạnh ở 3 phiên đầu tuần rồi giảm trở lại sau đó. Chốt ngày 25/10, tỷ giá trung tâm được niêm yết ở mức 24.255 VND/USD, tăng 42 đồng so với phiên cuối tuần trước đó và tăng 121 đồng so với phiên cùng ngày tháng 09.

- Sở giao dịch NHNN tiếp tục niêm yết giá mua - bán USD ở mức 23.400 VND/USD, tỷ giá bán giao ngay 3 phiên đầu tuần được niêm yết ở mức thấp hơn 50 đồng so với trần tỷ giá, 2 phiên cuối tuần niêm yết chốt ở mức 25.450 VND/USD.

- Tỷ giá LNH trong tuần từ 14/10 - 18/10 tăng mạnh ở hầu hết các phiên. Kết thúc phiên 18/10, tỷ giá LNH đóng cửa tại 25.376, tăng rất mạnh 216 đồng so với phiên cuối tuần trước đó và tăng 778 đồng so với phiên cùng ngày tháng 09.

Nguồn: NHNN, TTTT tổng hợp

Thị trường thứ cấp TPCP & TP CBLCP:

Giá trị giao dịch Outright và Repos trên thị trường thứ cấp tuần qua bình quân đạt 14.088 tỷ đồng/phiên, tăng 25,77% so với tuần trước, Lợi suất ngày cuối tuần của TPCP và TPCP BL biến động so với tuần trước, ở các kỳ hạn còn lại là:

5 năm	Giảm	0.01	điểm%
7 năm	Giảm	0.04	điểm%
10 năm	Tăng	0.05	điểm%
15 năm	Tăng	0.12	điểm%

Tuần qua NĐT NN mua ròng 99.37 tỷ đồng

Thời gian	Mua/Bán (tỷ VND)
TUẦN 43 (21/10-25/10/2024)	99.37
Tháng 9-2024	486.74
Q3 - 2024	2,451.07
Năm 2022	-8,065
Năm 2021	10,886

Tuần qua giao dịch thứ cấp TPDN riêng lẻ đạt 29.042 tỷ VND (Khối lượng 30.456)

Lũy kế từ khi có sản giao dịch đạt giá trị 820.543 tỷ VND (KL đạt 1.862.267).

Nguồn: HNX, TTTT tổng hợp

2.4. Thị trường cổ phiếu

Thị trường chứng khoán:

Trong tuần qua các chỉ số **giảm**, thanh khoản các sàn đạt bình quân **16.823** tỷ đồng/phiên.

VN-Index ở phiên cuối tuần là **1.282,72** điểm (-32,74 điểm; **-2,55%**) và *HNX-Index* đóng cửa ở 224,63 điểm (-4,58 điểm; **-2,00%**) so với phiên cuối tuần trước.

Giá trị vốn hóa thị trường cổ phiếu¹/GDP² tại ngày 25/10/2024 là 63%, tăng 3,13 điểm % so với cuối năm 2023.

Tuần qua, khối ngoại đã **bán** ròng trên 3 sàn hơn 1,182 tỷ VND cổ phiếu.

Lũy kế từ đầu năm khối ngoại đã **bán** ròng trên 3 sàn hơn 71,601 tỷ VND cổ phiếu.

1. Vốn hóa cả 3 sàn ngày 25/10/2024 : 6,932 triệu tỷ VND;

2. GDP TCTK lũy kế 4 Quý gần nhất: 11,011 triệu tỷ VND.

Nguồn: HSX, HNX, GSO, TTTT tổng hợp

PHỤ LỤC
VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN LĨNH VỰC KINH TẾ - TÀI CHÍNH

I. VĂN BẢN BAN HÀNH

Cơ quan	Văn bản	Ngày ban hành	Ngày hiệu lực	Nguồn
	1. Chính phủ, bộ ngành			
CP	Nghị quyết 200/NQ-CP của Chính phủ về việc xin lùi thời gian xây dựng nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách Nhà nước năm 2026	21/10/2024	21/10/2024	https://luatvietnam.vn/van-ban-moi.html
CP	Nghị định 133/2024/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 58/2021/NĐ-CP quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng	21/10/2024	01/11/2024	
CP	Nghị định 137/2024/NĐ-CP giao dịch điện tử của cơ quan Nhà nước và hệ thống thông tin phục vụ giao dịch	23/10/2024	23/10/2024	
TTCP	Quyết định 1236/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về ứng dụng và phát triển công nghệ chuỗi khối (blockchain) đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	22/10/2021	22/10/2024	https://vanban.chinhphu.vn/he-thong-van-ban?classid=2&mode=1
TTCP	Quyết định số 1253/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Về việc kiện toàn thành viên Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ	24/10/2024	24/10/2024	

II. VĂN BẢN ĐANG DỰ THẢO

Cơ quan	Văn bản	Ngày bắt đầu xin ý kiến	Ngày hết hạn xin ý kiến	Nguồn
	2. Chính phủ, bộ ngành			
BTC	Dự thảo Thông tư hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí về thực hiện dân chủ ở cơ sở để hỗ trợ kinh phí hoạt động cho Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn, Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập	21/10/2024		https://chinhphu.vn/du-thao-vbqppl
BTC	Dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Dự trữ Nhà nước thuộc Bộ Tài chính tại Quyết định số 36/2019/QĐ-TTg ngày 25/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ	22/10/2024		
BTC	Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch	24/10/2024		

	chứng khoán và Thông tư số 58/2021/TT-BTC ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh			
--	--	--	--	--

TRUNG TÂM THÔNG TIN GIÁM SÁT TÀI CHÍNH QUỐC GIA

